

BẢN TIN ĐỊNH KỲ

Tháng 06 năm 2021



LƯU HÀNH NỘI BỘ

SÀI GÒN



BIÊN TẬP

Ban Thư ký
Chi hội Kế toán
Hiệu đụng – Làm đụng

Kiểm duyệt nội dung

LS. Huỳnh Di Hùng, Ban Cố vấn
ThS. Nguyễn Ngọc Phương Ngân,
TB. Tư vấn



Hotline
091 449 3456



CHI HỘI KẾ TOÁN HIỆU ĐỤNG – LÀM ĐỤNG

Số 166, Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp.HCM.



+84 2839146139



+84 2839146140

Web: www.hieudunglamdung.vn

Email: info@hieudunglamdung.vn

PHẦN I:

Tổng hợp các văn bản có hiệu lực từ tháng 06 năm 2021

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực
A. NGHỊ ĐỊNH			
I	Nghị định 43/2021/NĐ-CP quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.	31/03/2021	01/06/2021
II	Nghị định 23/2021/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Việc làm	19/03/2021	01/06/2021
III	Nghị định số 53/2021/NĐ-CP biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len giai đoạn 2021 - 2022.	21/05/2021	21/05/2021
IV	Nghị định 38/2021/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo	29/03/2021	01/06/2021
B. THÔNG TƯ			
I	Thông tư số 26/2021/TT-BTC hướng dẫn công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần	07/04/2021	01/06/2021

PHẦN II:

Tóm tắt một số nội dung chính

A. NGHỊ ĐỊNH

I. Nghị định 43/2021/NĐ-CP quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

1. Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 43/2021/NĐ-CP quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm. Đây là Cơ sở dữ liệu quốc gia lưu trữ thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thông tin về y tế, an sinh xã hội được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ về bảo hiểm của công dân.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm là cơ sở dữ liệu của Chính phủ được xây dựng thống nhất trên toàn quốc, dùng chung cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm cung cấp chính xác, kịp thời thông tin về bảo hiểm phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu chính đáng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm bao gồm các thông tin sau:

a. Dữ liệu cơ bản cá nhân bao gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; giới tính, số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân; dân tộc; quốc tịch; nơi đăng ký khai sinh; quê quán, nơi thường trú; họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân của cha, mẹ, vợ, chồng hoặc người đại diện hợp pháp.

b. Thông tin liên hệ của công dân.

c. Nhóm thông tin về hộ gia đình: Mã hộ gia đình; địa chỉ; danh sách các thành viên trong hộ gia đình.

d. Nhóm thông tin về bảo hiểm xã hội: Mã số bảo hiểm xã hội; mã đơn vị quản lý người tham gia; cơ quan bảo hiểm xã hội

quản lý; loại đối tượng bảo hiểm xã hội; phương thức đóng; quá trình đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; mã số thuế.

e. Nhóm thông tin về bảo hiểm y tế: Mã mức hưởng; loại đối tượng; nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu; thời điểm hết hạn; thời điểm đủ 05 năm liên tục; quá trình đóng, hưởng.

f. Nhóm thông tin về bảo hiểm thất nghiệp: Quá trình đóng, hưởng; thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp.

g. Nhóm thông tin về người sử dụng lao động gồm: Tên; mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập; mã số thuế; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh (hoặc ngành, nghề kinh doanh chính)/lĩnh vực hoạt động; số điện thoại, thư điện tử; loại hình doanh nghiệp/loại hình tổ chức; phương thức đóng.

h. Nhóm thông tin cơ bản về y tế.

i. Nhóm thông tin về an sinh xã hội.

Các nhóm thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp nêu trên là dữ liệu gốc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

2. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác, sử dụng thông tin

Nghị định quy định rõ đối tượng khai thác, sử dụng dữ liệu. Cụ thể,

a. Bảo hiểm xã hội Việt Nam khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm phục vụ các hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành trong lĩnh vực bảo hiểm. Bộ Lao động - Thương binh và Xã

hội khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, việc làm và an sinh xã hội.

b. Bộ Y tế khai thác sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế bao gồm cả các thông tin, dữ liệu về bảo hiểm y tế. Văn phòng Chính phủ khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

c. Bộ Thông tin và Truyền thông khai thác, sử dụng dữ liệu để kết hợp với các nguồn dữ liệu khác tạo ra các thông tin gia tăng phục vụ mục đích tham mưu, hỗ trợ ban hành chính sách trong Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng khai thác sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng.

d. Các cơ quan quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước theo thẩm quyền.

e. Cơ quan, tổ chức và cá nhân được phép khai thác và sử dụng thông tin của mình; thông tin cá nhân của người khác nếu được người đó đồng ý theo quy định của pháp luật.

(Nguồn tham khảo: <http://baochinhphu.vn>)

II. Nghị định 23/2021/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Việc làm.

Vừa qua, nhằm hướng dẫn chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 Luật Việc làm năm 2013 về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/2021/NĐ-CP. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/6/2021.

Nghị định số 23/2021/NĐ-CP quy định về: Điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể và tổ chức, hoạt động của trung tâm dịch vụ việc

làm; điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm, hoạt động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

1. Trung tâm dịch vụ việc làm phải có ít nhất 15 viên chức làm việc

Theo Nghị định, trung tâm dịch vụ việc làm được xác định là đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng. Trung tâm dịch vụ việc làm có tên gọi bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, biểu tượng riêng (nếu có).

Điều kiện để thành lập trung tâm dịch vụ việc làm được Chính phủ quy định cụ thể tại Điều 3 Nghị định này, gồm:

a. Có mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về việc làm.

b. Phù hợp với quy hoạch mạng lưới trung tâm dịch vụ việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c. Có trụ sở làm việc hoặc đề án cấp đất xây dựng trụ sở làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp xây dựng trụ sở mới).

d. Có trang thiết bị để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 7 Nghị định này phù hợp với tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng do cấp có thẩm quyền ban hành.

e. Có ít nhất 15 người làm việc là viên chức.

f. Cơ quan có thẩm quyền thành lập đảm bảo kinh phí cho các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công về việc làm theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm dịch vụ việc làm phải thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định của Nhà nước

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 23/2021/NĐ-CP, trung tâm dịch vụ việc làm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a. Hoạt động tư vấn, gồm:

- Tư vấn, định hướng về nghề nghiệp, khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động lựa chọn ngành nghề, phương án đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện phù hợp với khả năng và nguyện vọng.

- Tư vấn việc làm cho người lao động để lựa chọn vị trí việc làm phù hợp với khả năng và nguyện vọng; tư vấn về kỹ năng tham gia dự tuyển; về tự tạo việc làm, tìm việc làm trong nước và ngoài nước.

- Tư vấn cho người sử dụng lao động về tuyển, sử dụng và quản lý lao động; về quản trị và phát triển việc làm, phát triển nguồn nhân lực.

- Tư vấn về chính sách lao động, việc làm cho người lao động, người sử dụng lao động.

b. Giới thiệu việc làm cho người lao động.

c. Cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động, gồm:

- Tuyển lao động thông qua thi tuyển để lựa chọn những người đủ điều kiện, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động.

- Cung ứng lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động.

- Giới thiệu lao động cho doanh nghiệp được cấp phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tổ chức cá nhân đầu tư ra nước ngoài hoặc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được giao nhiệm vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định của Luật Người lao

động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

d. Thu thập và cung cấp thông tin thị trường lao động.

e. Phân tích và dự báo thị trường lao động.

f. Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Việc làm.

g. Đào tạo kỹ năng tham gia phỏng vấn, tìm kiếm việc làm và các kỹ năng làm việc khác; giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

h. Thực hiện các chương trình, dự án về việc làm.

Đặc biệt, việc tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động và cung cấp thông tin thị trường lao động tại trung tâm dịch vụ việc làm là hoàn toàn miễn phí.

3. Cấp phép hoạt động cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

Theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính ủy quyền có thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép đối với doanh nghiệp.

Điều kiện cấp giấy phép cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm gồm:

a. Có địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc được doanh nghiệp thuê ổn định theo hợp đồng từ 03 năm (36 tháng) trở lên.

b. Doanh nghiệp đã thực hiện ký quỹ 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

c. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm phải bảo đảm điều kiện:

- Là người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Không thuộc một trong các trường hợp sau đây: đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến dịch vụ việc làm.

- Có trình độ từ đại học trở lên hoặc đã có thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý dịch vụ việc làm hoặc cung ứng lao động từ đủ 02 năm (24 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép.

(Nguồn tham khảo: <https://www.vksndtc.gov.vn>)

III. Nghị định số 53/2021/NĐ-CP biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa CHXHCN Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len giai đoạn 2021 - 2022.

Ngày 21/5/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định 53/2021/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định (UKVFTA) Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len giai đoạn 2021-2022.

Theo đó, ban hành kèm theo Nghị định 53/2021:

1. Biểu thuế XK ưu đãi của Việt Nam để thực hiện Hiệp định UKVFTA (Phụ lục I) gồm:

a. Mã hàng, mô tả hàng hóa, thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo các giai đoạn khi xuất khẩu sang Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len đối với từng mã hàng;

Lưu ý: Các mặt hàng không thuộc Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này nhưng thuộc Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế quy định tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 57/2020/NĐ-CP của Chính phủ) và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) được áp dụng mức thuế suất 0% khi xuất khẩu sang Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

2. Biểu thuế NK ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định UKVFTA (Phụ lục II) gồm:

a. Mã hàng, mô tả hàng hóa, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo các giai đoạn được nhập khẩu vào Việt Nam từ các vùng lãnh thổ sau đây đối với từng mã hàng:

- Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len;

- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Hàng hoá nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước).

b. Đối với các tờ khai hải quan của các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu **đăng ký từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến**

20/05/2021, nếu **đáp ứng đủ các quy định để được hưởng thuế suất** thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam **tại Nghị định này và đã nộp thuế theo mức thuế cao hơn** thì được **cơ quan hải quan xử lý tiền thuế nộp thừa** theo quy định của pháp **luật về quản lý thuế**.

(Nguồn tham khảo:<https://thuvienphapluat.vn>)

IV. Nghị định 38/2021/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.

NĐ mới quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo:

1. Tăng nặng mức phạt với nhiều hành vi vi phạm

Nghị định 158 có 431 hành vi vi phạm trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo bị xử phạt hành chính thì Nghị định 38 sửa đổi, bổ sung 201 hành vi, tỉ lệ khoảng 40%. Mức xử phạt được điều chỉnh tăng từ 20-30%. Trong đó, có nhiều hành vi vi phạm được quy định tăng cao mức tiền xử phạt để nâng tính răn đe, một số hành vi tăng gấp đôi mức xử phạt.

a. **Ở lĩnh vực điện ảnh**, Nghị định tăng mức phạt tiền ở một số hành vi về phổ biến phim; bổ sung hình thức xử phạt bổ sung như đình chỉ hoạt động chiếu phim hay một số biện pháp khắc phục hậu quả như buộc tháo gỡ phim vi phạm trên môi trường mạng; lược bỏ hành vi sản xuất phim phải có giấy phép vì không còn phù hợp với quy định của Luật Đầu tư năm 2014... Trong **lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn**, Nghị định bổ sung một số hành vi kê khai không trung thực, hoặc sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả mạo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; hành vi cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép hoặc sử dụng giấy phép của

tổ chức, cá nhân khác. Bổ sung nội dung bị cấm trong một số hành vi, đồng thời tăng mức phạt tiền đối với hành vi về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu...

b. Nghị định tăng mức phạt đối với **một số hành vi, đơn cử** như phạt tiền từ 40-45 triệu đồng đối với **hành vi tổ chức biểu diễn, thi, liên hoan** các loại hình nghệ thuật biểu diễn có nội dung kích động bạo lực, ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại... Phạt từ 45-50 triệu đồng đối với hành vi tổ chức biểu diễn, thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn có nội dung xuyên tạc lịch sử, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo; xúc phạm lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân... Về **lĩnh vực tổ chức lễ hội, kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng**, Nghị định tăng mức xử phạt các hành vi lợi dụng hoạt động tín ngưỡng để trục lợi, hành vi về nếp sống văn hoá gây ảnh hưởng đến phong tục tập quán, sức khoẻ con người; sửa đổi các điều kiện doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

c. Đặc biệt, tăng mức tiền xử phạt đến tối đa đối với **hành vi kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng vi phạm các quy định cấm**. Cụ thể, phạt tiền từ 40-50 triệu đồng đối với hành vi tổ chức cho khách nhảy múa thoát y hoặc tổ chức hoạt động mang tính chất đồi trụy tại cơ sở kinh doanh dịch vụ vũ trường, karaoke, cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng ăn uống giải khát hoặc nơi tổ chức hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng khác. Về lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, Nghị định bổ sung hành vi mới phù hợp với quy định của Nghị định số 23/2019/NĐ-CP. Nghị định cũng đã xây dựng lại kết cấu riêng cho từng

hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm bảo đảm không bị bỏ sót hành vi và quy định mức phạt phù hợp.

d. **Về lĩnh vực di sản văn hoá, công trình văn hoá, nghệ thuật**, Nghị định nâng mức phạt cho một số hành vi vi phạm quy định cấm trong lĩnh vực di sản văn hóa, điều chỉnh biện pháp khắc phục hậu quả phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế. Theo đó, phạt 40-50 triệu đồng đối với các hành vi như: Hủy hoại, làm thay đổi yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử- văn hóa, danh lam thắng cảnh; lấn chiếm đất đai thuộc di tích lịch sử- văn hóa, danh lam thắng cảnh; sử dụng trái phép di tích lịch sử- văn hóa, danh lam thắng cảnh; làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia mà không có giấy phép...

e. **Về lĩnh vực quảng cáo**, Nghị định sửa đổi các hành vi bị cấm phù hợp với Luật Quảng cáo. Bổ sung một số hành vi vi phạm quy định về quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn, quy định không tự tháo dỡ sản phẩm quảng cáo rách, nát mất mỹ quan, quy định về quảng cáo thuốc, quy định về quảng cáo trang thiết bị y tế, mỹ phẩm, dịch vụ khám chữa bệnh, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, quảng cáo trên thiết bị đầu cuối, quảng cáo trong phim... Bổ sung hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi quảng cáo hàng hóa, dịch vụ đặc biệt, các biện pháp khắc phục hậu quả như loại bỏ các yếu tố sai phạm trên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, buộc thu hồi sản phẩm in, tạp chí có sản phẩm quảng cáo sai phạm...

f. Nghị định 38 cũng sửa đổi, bổ sung nhiều điều khoản quy định xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật **trong lĩnh vực thư viện và các lĩnh vực văn hóa khác**. Trong đó, tăng mức phạt đến tối đa đối với hành vi sản xuất băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy, làm phương hại đến chủ quyền quốc gia.

2. Chi tiết các mức phạt quy định rõ tại nội dung của Nghị định.

([Nguồn.tham.khảo](http://baovanhoa.vn):<http://baovanhoa.vn>)

B. THÔNG TƯ

I. Thông tư số 26/2021/TT-BTC hướng dẫn công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Mới đây, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 26/2021/TT-BTC hướng dẫn công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

1. Thông tư này hướng dẫn công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần đối với được các tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 Nghị định 150/2020/NĐ-CP, cụ thể gồm:

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác của UBND cấp tỉnh;
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

g. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

h. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

i. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

2. Thông tư số 26/2021/TT-BTC quy định phương pháp, trình tự lập báo cáo:

Đơn vị thực hiện lập báo cáo tình hình tài chính theo các bước sau:

a. Thực hiện các bước khóa sổ kế toán theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

b. Lập báo cáo tình hình tài chính theo mẫu B01/BCTC quy định tại chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

c. Phân tích các số liệu chi tiết căn cứ sổ sách kế toán, văn bản xác định lại giá trị tài sản để chuyển đổi, hồ sơ về kết quả xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập và các tài liệu có liên quan khác.

d. Lập bảng chuyển đổi số liệu theo quy định tại Thông tư 26/2021/TT-BTC.

e. Căn cứ số liệu trên Bảng chuyển đổi số liệu và hướng dẫn lập các chỉ tiêu chi tiết trên Báo cáo tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp thực hiện tổng hợp các chỉ tiêu theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 “Báo cáo tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp” kèm theo Thông tư 26/2021/TT-BTC.

3. TT 26/2021/TT-BTC quy định trách nhiệm các đơn vị trong việc lập báo cáo.

Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi là đơn vị kế toán cơ sở phải lập Báo cáo tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập và tại thời điểm chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi là đơn vị kế toán cấp trên phải tổng hợp số liệu từ tất cả các đơn vị cấp dưới trực thuộc lập Báo cáo tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp (tổng hợp) tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập và tại thời điểm chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp của đơn vị kế toán cấp trên là số liệu tổng hợp sau khi đã loại trừ các giao dịch nội bộ trong phạm vi đơn vị lập báo cáo theo quy định.

a. **Căn cứ xác định số liệu trên bảng chuyển đổi số liệu:** Sổ kế toán chi tiết của đơn vị theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp sau khi đã khóa sổ kế toán. Số liệu trên sổ sách kế toán phải phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh tại đơn vị, đã được hạch toán ghi chép đúng quy định, bao gồm cả việc xử lý tài chính trong quá trình chuyển đổi; Tài liệu xác định lại giá trị tài sản phục vụ cho quá trình chuyển đổi; Hồ sơ về kết quả xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập; Các tài liệu có liên quan khác.

b. **Nguyên tắc xác định số liệu chi tiết trên Bảng chuyển đổi số liệu:** Số liệu của các chỉ tiêu chuyển đổi được lấy theo giá trị đánh giá lại, trường hợp các chỉ tiêu chi tiết không có quy định về việc xác định lại giá trị thì lấy theo số dư còn lại trên sổ sách kế toán của đơn vị tại ngày lập báo cáo,

trừ trường hợp có quy định khác; Một số chỉ tiêu phải thực hiện phân loại chi tiết.

c. **Để lập Báo cáo tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp**, đơn vị phải thực hiện phân loại chi tiết số dư của một số tài khoản tại ngày lập báo cáo trên Bảng chuyển đổi, quy định cụ thể như sau:

d. **Số dư các khoản đầu tư tài chính tại ngày lập báo cáo:** Trên cơ sở sổ kế toán chi tiết theo dõi các khoản đầu tư tài chính, tài liệu đánh giá lại giá trị khoản đầu tư còn tại ngày lập báo cáo, đơn vị phải thực hiện phân loại theo các tiêu chí phù hợp để lập được chỉ tiêu đầu tư tài chính trên báo cáo tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp. Trong đó các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành

tiền tại thời điểm báo cáo, được phân loại là khoản tương đương tiền.

e. **Số dư các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác tại ngày lập báo cáo:** Đơn vị phải thực hiện phân loại theo thời hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng để chuyển đổi thành các chỉ tiêu ngắn hạn tương ứng và trên 12 tháng để chuyển đổi thành các chỉ tiêu dài hạn tương ứng.

f. Đồng thời Thông tư số 26/2021/TT-BT cũng quy định rõ đối với hàng tồn kho; Tài sản cố định; số dư khoản phải trả nợ vay; Số dư chi phí trả trước; nội dung kế toán liên quan đến xử lý tài chính trước thời điểm chuyển thành công ty cổ phần./

(Nguồn.tham.khảo:<https://thukyluat.vn> & <http://sba.vn>)